unesco

50 YEARS of VIỆT NAM - UNESCO 1976 – 2026

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

VĂN KIỆN HÀ NỘI

về Di sản và Tính xác thực

Đơn vị thực hiện:

unesco Viet Nam National Commission for UNESCO

Hà Nội

Ninh Bình

LỜI MỞ ĐẦU

1. Chúng tôi, đại biểu tham dự Hội nghị Đối thoại châu Á-Thái Bình Dương về Di sản và Tính xác thực (sau đây gọi là "Đối thoại") được tổ chức từ ngày 27 tháng 9 đến ngày 1 tháng 10 năm 2026 tại Hà Nội và Ninh Bình (nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), ghi nhận kinh nghiệm về trường hợp tiêu biểu/điển hình của Di sản Thế giới Hoàng thành Thăng Long, đã tiến hành thảo luận sâu rộng về khái niệm tính xác thực trong di sản, tập trung vào khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Đối thoại nhằm đóng góp cho việc thực thi hiệu quả Công ước về Bảo vệ Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới năm 1972 (sau đây gọi là “Công ước Di sản Thế giới”), theo Quyết định 46 COM 11 và Quyết định 47 COM 5C của Ủy ban Di sản Thế giới, cùng Nghị quyết 25 GA 9 của Đại hội đồng các quốc gia thành viên, và đáp ứng Quyết định 48 COM 6C, theo đó Ủy ban “khuyến khích các quốc gia thành viên, phối hợp với Trung tâm Di sản Thế giới, các cơ quan tư vấn và các tổ chức liên quan tổ chức các cuộc đối thoại chuyên gia khu vực tương tự về tính xác thực, có tính đến bối cảnh văn hóa tương ứng, nhằm đóng góp vào quá trình hoàn thiện phản ánh toàn cầu rộng hơn về bất kỳ phát triển phương pháp luận nào trong tương lai liên quan đến tính xác thực phản ánh toàn diện quan điểm của các khu vực trên thế giới”. Văn kiện này nêu quan điểm của khu vực châu Á-Thái Bình Dương về tính xác thực, dựa trên bối cảnh văn hóa của khu vực.

2. Chúng tôi đề cập đến các văn kiện tham chiếu chính, đóng vai trò nền tảng cho Đối thoại và các kết quả thảo luận, bao gồm Hiến chương Venice (1964), Văn kiện Nara về Tính xác thực (1994); *Công ước về Bảo vệ Di sản Văn hóa Phi vật thể (2003); Công ước về Bảo vệ và Phát huy sự Đa dạng của các Biểu đạt Văn hóa (2005)* và Văn kiện Nairobi về Di sản và Tính xác thực (2025). Theo Văn kiện Nara, các đánh giá về giá trị của các tài sản văn hóa, cũng như về độ tin cậy của các nguồn thông tin liên quan, có thể khác nhau giữa các nền văn hóa và trong nội bộ từng nền văn hóa, và rằng các đánh giá đó không nên bị giới hạn trong các tiêu chí cố định mà phải tôn trọng bối cảnh văn hóa của di sản đó. Châu Á-Thái Bình Dương hiểu và thể hiện mối quan hệ giữa con người, thiên nhiên, địa điểm và di sản theo những cách khác nhau, theo đó mỗi truyền thống cần được xem xét trong bối cảnh văn hóa riêng biệt.

3. Dựa trên kết quả của Văn kiện Nairobi và kinh nghiệm từ thực tiễn đặc thù của châu Á-Thái Bình Dương, chúng tôi xem xét mối quan hệ giữa con người, địa điểm, thực hành và môi trường duy trì giá trị di sản tiếp biến theo thời gian, và tiến trình phát triển của các mối quan hệ này - bao gồm sự biến đổi liên tục hoặc gián đoạn - có thể được ghi nhận và đánh giá trong khuôn khổ Di sản Thế giới.

4. Đối thoại được xây dựng trên kết quả của:

i. Văn kiện Nara về Tính xác thực (1994);
ii. Tuyên bố Yamato về Phương pháp Tích hợp trong Bảo vệ Di sản Vật thể và Phi vật thể (2004);
iii. Tuyên bố Tây An về Bảo tồn Bối cảnh của các Công trình, Địa điểm và Khu vực Di sản (Tây An, Trung Quốc, 2005);
iv. Các Nghị định thư Hội An về Thực hành Bảo tồn Tốt tại châu Á (2009);
v. Hiến chương Burra của ICOMOS Úc (2013);
vi. Nara + 20: Về Thực hành Di sản, Giá trị Văn hóa và Khái niệm Tính xác thực (2014);
vii. Bản sửa đổi Các Nguyên tắc Bảo tồn Di tích tại Trung Quốc (2015);
viii. Khuyến nghị Warsaw về Phục hồi và Tái thiết Di sản Văn hóa (2018);
ix. Tuyên bố Gunma về Hệ sinh thái Di sản (2025);
x. Văn kiện Nairobi về Di sản và tính xác thực (2025);
xi. Tuyên bố Busan về Di sản Thế giới (2026).

Các đóng góp này đề cập đến những khía cạnh khác nhau của thực hành di sản. Nhìn chung, các văn kiện này kêu gọi sự quan tâm sâu sắc đến bối cảnh văn hóa, mối quan hệ giữa di sản vật thể và phi vật thể, bối cảnh không gian, văn hóa sống, tính cẩn trọng, con người, địa điểm và kỹ năng duy trì di sản.

5. Chúng tôi xem xét các giá trị thuộc tính của một khu di sản, các đặc điểm vật chất và thực hành sống, thông qua đó các giá trị được thể hiện, và bằng chứng cho thấy sự truyền tải liên tục các giá trị đó mặc dù có những thay đổi tại khu di sản. Đối với một di sản được đề cử ghi danh vào Danh sách Di sản Thế giới, cần đánh giá các thuộc tính với Giá trị Nổi bật Toàn cầu của di sản đó.

6. Chúng tôi ghi nhận sự đa dạng phong phú của khu vực châu Á-Thái Bình Dương, bao gồm các môi trường lục địa, miền núi, sông ngòi, ven biển, hải dương và hải đảo, cùng với di sản văn hóa, thiên nhiên và hỗn hợp. Các thuộc tính truyền tải ý nghĩa của di sản cần được hiểu trong bối cảnh văn hóa và môi trường của di sản. Tại một số vùng hải đảo và ven biển trong khu vực, các tuyến đường, địa điểm và thực hành có ý nghĩa văn hóa thay đổi theo điều kiện môi trường. Do đó, ngoài các thuộc tính vật chất, cần đánh giá ý nghĩa di sản thông qua tri thức, cách sử dụng và quyền quản lý.

7. Chúng tôi cũng ghi nhận rằng ở nhiều nơi thuộc châu Á-Thái Bình Dương, nhiều di sản được duy trì thông qua việc tu bổ vật liệu, truyền thụ tri thức và kỹ năng, cũng như các thực hành phong tục, xã hội, tôn giáo và tâm linh. Việc tu bổ định kỳ trong phạm vi nhất định đối với gỗ, đất, mái lá, đá, bề mặt sơn vẽ và xơ sợi có thể duy trì một địa điểm di sản, nhưng cũng có thể làm thay đổi các thuộc tính truyền tải giá trị của di sản. Do đó, việc đánh giá cần xem xét sự thay đổi, tri thức và kỹ thuật, chủ thể quyết định và thực hiện, và diễn biến của tiến trình này trong tương lai. Tuổi thọ của vật liệu, hay một thực hành là “truyền thống” chưa đủ để xác lập tính xác thực. Điều quan trọng là vật liệu, thực hành và tri thức có tiếp tục thể hiện được các giá trị di sản, kể cả khi đã thay đổi theo thời gian.

TRÊN CƠ SỞ ĐÓ, ĐỐI THOẠI ĐÃ GHI NHẬN NHƯ SAU:

8. Tính xác thực trong một Thế giới đang Biến đổi

Các khu di sản có thể bị tác động bởi môi trường, xã hội và văn hóa. Cách hiểu về di sản của châu Á-Thái Bình Dương do đó không ngừng phát triển, từ các di tích và địa điểm riêng lẻ đến sự liên kết trong một hệ sinh thái di sản, từ đó thay đổi diễn ngôn về cách hiểu, đánh giá và bảo vệ giá trị di sản và tính xác thực. Điều này đòi hỏi bằng chứng đáng tin cậy và các phương pháp luận phù hợp để đánh giá giá trị cùng các mối quan hệ và thực hành liên quan tồn tại, biến đổi hoặc chấm dứt, và cách thức những thay đổi ở một yếu tố hay mối quan hệ này có thể ảnh hưởng đến các yếu tố và mối quan hệ khác; tuy nhiên, những thay đổi đó không biện minh cho giả định rằng mọi sự thay đổi đều duy trì tính xác thực.

Các phát hiện cụ thể

8.1 Tính xác thực có tính liên hệ và động thái

Di sản có thể biểu thị tính xác thực không chỉ từ công trình, mà còn từ các mối quan hệ tạo ra và duy trì giá trị di sản. Sự thay đổi không nhất thiết hàm ý mất đi tính xác thực: bằng chứng vật chất, vật liệu và kỹ thuật truyền thống, thực hành sống, tri thức, ký ức và các nguồn khác có thể đóng góp, trong những kết hợp khác nhau, vào sự liên tục thông qua tu bổ - bao gồm cả việc thay thế toàn bộ kết cấu trong các trường hợp đặc biệt - cũng như thích ứng hoặc chuyển đổi. Cần hiểu được ý nghĩa trong mối liên hệ với bản chất của di sản, bối cảnh văn hóa, và độ tin cậy của các nguồn thông tin có liên quan.

8.2 Mạng lưới, Liên kết và Hệ sinh thái di sản

Cách hiểu về tính xác thực được định hình bởi mối quan hệ của cộng đồng với địa điểm di sản, mối quan hệ này có thể mở rộng ra ngoài ranh giới hoặc bối cảnh trực tiếp của một di sản riêng lẻ. Mạng lưới cung cấp một chiều của cấu trúc, trong khi các liên kết mô tả các quá trình kết nối và chuyển đổi các thành phần. Điều này đặc biệt phù hợp với di sản mở rộng, chuỗi và xuyên biên giới ở châu Á-Thái Bình Dương. Mạng lưới và liên kết, cùng cách tiếp cận hệ sinh thái di sản, có thể được xem xét trên cơ sở phụ thuộc lẫn nhau mang tính hệ thống.

8.3 Hướng tới một Phương pháp luận Đánh giá

Cần phát triển hơn nữa phương pháp luận để xác định các yếu tố, mối quan hệ và sự phụ thuộc lẫn nhau có liên quan, hiểu tiến trình thay đổi, đánh giá các nguồn thông tin và tri thức khác nhau, và thẩm định hệ quả của các tác động. Cách tiếp cận này có thể giúp xây dựng khung đánh giá, bổ sung chứ không thay thế các phương pháp dựa trên thuộc tính hiện có. Không nên thiết lập một mô hình phổ quát mới về tính xác thực, nhưng có thể đưa ra một khung phân tích chung cho các cấu hình văn hóa và khu vực khác nhau về tính liên tục và sự thay đổi.

9. Bằng chứng về Tính liên tục và Sự thay đổi

Hướng dẫn thực hiện ghi nhận cách sử dụng, chức năng, truyền thống, kỹ thuật, hệ thống quản lý, ngôn ngữ và các hình thức di sản phi vật thể khác trong số các thuộc tính có thể thể hiện được giá trị văn hóa. Khi xem xét tính xác thực, chúng ta cần xét liệu các thuộc tính liên quan có tiếp tục truyền tải Giá trị Nổi bật Toàn cầu của di sản. Việc xem xét này cần dựa trên tri thức của những người duy trì di sản, cùng với bằng chứng truyền khẩu, tài liệu, vật chất và môi trường. Khi người nắm giữ tri thức và các nguồn khác đưa ra những tường thuật khác nhau, những khác biệt đó cần được thừa nhận. Cần tham vấn những người giữ gìn khi sử dụng tri thức mang tính thiêng hoặc có quy ước hạn chế.

10. Tu bổ định kỳ và trao truyền

Việc tu bổ liên tục một địa điểm di sản cần được đánh giá trong mối liên hệ với sự truyền thụ tri thức và kỹ năng có liên quan, lý do thay thế vật liệu, những thay đổi về kỹ thuật và ra quyết định, cùng tác động của những thay đổi này lên các thuộc tính truyền tải giá trị của di sản. Mặc dù tu bổ theo phong tục thường bắt nguồn từ văn hóa, việc thay thế vật liệu nhiều lần tự thân không chứng minh cho sự tiếp nối tri thức, kỹ năng và giá trị di sản gắn liền với địa điểm.

11. Tái thiết, Phục hồi và Tính liên tục

Các khu di sản chịu tác động bởi nhiều yếu tố, trong đó có thiên tai, xung đột, di dời, đô thị hóa và du lịch thiếu bền vững. Tái thiết sau xung đột, thiên tai, biến đổi môi trường hoặc áp lực phát triển đặt ra các câu hỏi liên quan đến mức độ mất mát, độ tin cậy và tính đầy đủ của bằng chứng sẵn có, sự dịch chuyển của người nắm giữ tri thức, tiếp cận hoặc sử dụng gián đoạn, và nguy cơ phỏng đoán. Đánh giá tính xác thực cần dựa trên cơ sở xác định những yếu tố đang được tiếp tục, yếu tố đã thay đổi và yếu tố đã mất, đồng thời xem xét hệ quả đối với Giá trị Nổi bật Toàn cầu. Khi đề xuất tái thiết các di tích khảo cổ hoặc các tòa nhà hay khu phố lịch sử, cần áp dụng đoạn 86 của Hướng dẫn Thực hiện.

Các phát hiện cụ thể

11.1 Tính liên tục vượt ra ngoài Tái thiết vật chất

Phục hồi sau mất mát không nên được hiểu đơn giản là khôi phục di sản về trạng thái vật chất. Phục hồi cũng cần hỗ trợ việc tái lập, duy trì liên tục và truyền thụ cách sử dụng, thực hành, tri thức, chức năng, các mối quan hệ xã hội hoặc liên kết giữa con người, thiên nhiên và địa điểm. Tính chính đáng của tái thiết sau mất mát luôn phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể và hiểu biết sâu rộng về bối cảnh xã hội và văn hóa.

11.2 Can thiệp dựa trên bằng chứng và sự tương thích

Phục hồi và tái thiết cần dựa trên đánh giá đáng tin cậy và minh bạch về bằng chứng ở nhiều hình thức khác nhau, bao gồm kết cấu còn tồn tại, bằng chứng tài liệu, khảo cổ và khoa học, cũng như tri thức truyền khẩu, thực hành truyền thống và kỹ năng thủ công. Vật liệu còn sót lại cần được thu hồi và ổn định bằng các kỹ thuật và quy trình phù hợp. Tri thức truyền thống và chuyên môn đương đại tương thích có thể được kết hợp khi chúng hỗ trợ các giá trị và thuộc tính di sản liên quan và tránh tái thiết mang tính phỏng đoán hoặc làm xói mòn giá trị.

11.3 Phục dựng lấy con người làm trung tâm và việc ra quyết định

Phục hồi di sản là một quá trình lấy con người làm trung tâm, nằm trong khuôn khổ phục hồi xã hội, văn hóa và kinh tế rộng hơn. Cộng đồng và người nắm giữ tri thức, bao gồm cả các nhóm bị ảnh hưởng và di dời khi phù hợp, cần tham gia một cách có ý nghĩa vào việc đánh giá các phương án và hệ quả đối với việc duy trì tính xác thực, tính toàn vẹn và Giá trị Nổi bật Toàn cầu, với đầy đủ tài liệu, đối thoại và suy nghĩ thấu đáo nhằm bảo toàn các lựa chọn cho tương lai.

12. Di sản sống, Giá trị tinh thần và các thuộc tính liên kết

Giá trị di sản của các địa điểm có thể được truyền tải bởi một loạt các giá trị và thuộc tính vật thể và/hoặc phi vật thể, chẳng hạn như nghi lễ, tín ngưỡng, ký ức, ngôn ngữ, cách sử dụng, thực hành, tri thức truyền thống, các mối quan hệ xã hội và liên kết giữa con người, thiên nhiên và địa điểm, đặc biệt khi kết cấu vật chất không thể hiện hết ý nghĩa của di sản. Các thuộc tính này cũng đóng vai trò then chốt trong việc hiểu và xác định tính xác thực của khu di sản. Các thực hành, nghi lễ, tín ngưỡng, cách sử dụng và mối quan hệ với địa điểm đang tiếp diễn có thể chính là các thuộc tính truyền tải Giá trị Nổi bật Toàn cầu của di sản, bên cạnh các đặc điểm vật chất. Mức độ phù hợp của chúng cần được xác lập trong mối liên hệ với các giá trị được khẳng định cho di sản, chứ không phải giả định từ sự hiện diện đơn thuần của một thực hành sống.

Các phát hiện cụ thể

12.1 Tính liên tục của các mối liên hệ sống

Tính xác thực trong di sản sống, giá trị tinh thần và liên kết có thể được truyền tải thông qua các mối quan hệ đang tiếp diễn giữa con người, địa điểm, thực hành, tín ngưỡng và môi trường tự nhiên, chứ không chỉ thông qua kết cấu vật chất. Nghi lễ, hành hương, tập quán sử dụng, ngôn ngữ, tri thức truyền thống, sinh kế và các hình thức thực hành khác có thể đóng góp vào việc thể hiện và truyền thụ giá trị di sản. Do đó, tính xác thực không nên được hiểu là sự lặp lại bất biến, mà thông qua tính liên tục đáng tin cậy về ý nghĩa, chức năng và truyền thụ qua các thế hệ.

12.2 Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các thuộc tính vật thể và phi vật thể

Các thuộc tính vật thể và phi vật thể cần được hiểu và đánh giá trong mối liên hệ với nhau. Các tòa nhà, cảnh quan, nơi linh thiêng, hiện vật và yếu tố tự nhiên có thể nhận được một phần ý nghĩa từ các thực hành, tín ngưỡng, tri thức và mối quan hệ xã hội hoặc sinh thái gắn liền với chúng, trong khi các thực hành đó có thể phụ thuộc vào các địa điểm và bối cảnh cụ thể. Do đó, đánh giá tính xác thực cần xem xét liệu những mối quan hệ này có tiếp tục truyền tải ý nghĩa di sản hay không, thay vì coi tính bền vững vật chất là thước đo duy nhất.

12.3 Điều kiện của các Di sản sống

Bảo vệ di sản sống cần duy trì các điều kiện để di sản tiếp tục được sống, sử dụng và truyền thụ, thay vì đóng băng tại thời điểm được chọn. Đánh giá và quản lý cần nhạy cảm với đặc tính của các hình thức di sản sống khác nhau và xem xét tính liên tục của chức năng, thực hành, ý nghĩa tâm linh, sinh kế và mối quan hệ con người-thiên nhiên bên cạnh các thuộc tính vật chất. Do đó, khi giám sát cần xem xét không chỉ tình trạng của kết cấu vật chất, mà cả các mối quan hệ và thực hành qua đó giá trị di sản được duy trì.

13. Cộng đồng, những người nắm giữ tri thức, các giá trị đa chiều

Cộng đồng địa phương, những người thực hành, bô lão, phụ nữ, thanh niên và những người nắm giữ tri thức khác tham gia vào việc xác định, trao truyền và bảo vệ giá trị di sản. Các đánh giá cần xem xét những khác biệt trong nội bộ và giữa các cộng đồng cũng như giữa các bối cảnh địa phương, quốc gia và xuyên quốc gia, cùng với các tuyên bố đa chiều, tình trạng di dời, hạn chế tiếp cận tri thức thiêng liêng, sự đồng thuận và điều kiện chia sẻ tri thức. Các đánh giá cần giải thích cách tri thức cộng đồng và các nguồn bằng chứng khác đã được xem xét, kể cả khi có các cách diễn giải khác nhau.

Các phát hiện cụ thể

13.1 Cộng đồng đa dạng và sự tham gia

Cộng đồng không nên được hiểu là các nhóm đồng nhất hay chỉ là đối tượng tham vấn hoặc thụ hưởng. Di sản có thể gắn liền với nhiều cộng đồng và người nắm giữ tri thức có mối quan hệ với cùng một địa điểm, thực hành hoặc cảnh quan theo những cách khác nhau, bao gồm xuyên thế hệ và xuyên bối cảnh địa phương, quốc gia và xuyên quốc gia. Cộng đồng và người nắm giữ tri thức có thể đóng góp với tư cách là người sáng tạo, thực hành, giữ gìn và diễn giải tri thức, cũng như đối tác trong việc xác định, diễn giải, quản lý và giám sát di sản. Do đó, cần ghi nhận sự đa nguyên này, tôn trọng quản trị theo phong tục và cung cấp các cơ chế thực tiễn để tri thức và quan điểm của cộng đồng làm cơ sở cho các quyết định về di sản.

13.2 Bằng chứng đáng tin cậy và Diễn giải có tính bao trùm

Các hình thức tri thức và bằng chứng khác nhau cần được đánh giá thông qua các quy trình minh bạch và đáng tin cậy. Nguồn tài liệu, vật chất, khoa học, truyền khẩu, chứng nhân và dựa trên thực hành có thể đóng góp vào việc hiểu giá trị di sản và tính xác thực, với sự cân nhắc thích đáng về xuất xứ, xác minh chéo, sự đồng thuận, tính bảo mật và tri thức bị hạn chế. Các giá trị và cách diễn giải khác nhau cần được ghi nhận mà không giả định trọng lượng bằng chứng ngang nhau. Đối thoại ở quy mô địa phương, quốc gia và xuyên quốc gia có thể cung cấp thông tin cho cách diễn giải và trình bày di sản. Khi bằng chứng đáng tin cậy xác lập những lịch sử khó khăn, gây chia rẽ hoặc tranh cãi, việc diễn giải cần phản ánh một cách phù hợp các tầng lịch sử quan trọng, góp phần vào sự hiểu biết rộng hơn và bao trùm hơn về di sản.

13.3 Tính liên tục, Trao truyền và Phối hợp thực hành

Tính xác thực có thể phụ thuộc không chỉ vào kết cấu vật chất còn tồn tại, mà còn vào sự liên tục và trao truyền tri thức, thực hành, cách sử dụng, kỹ năng và mối quan hệ cộng đồng. Tính liên tục đó cần được đánh giá trong mối liên hệ với lịch sử phát triển và các thuộc tính liên quan của di sản, ghi nhận rằng nó có thể bao gồm thích ứng, tu bổ hoặc giai đoạn gián đoạn. Trao truyền liên thế hệ, ghi chép do cộng đồng dẫn dắt, quản lý hợp tác và giám sát có sự tham gia có thể giúp duy trì và đánh giá các mối quan hệ này. Cần phát triển hơn nữa về phương pháp luận để tích hợp các khía cạnh này vào việc xác định, đề cử, đánh giá, diễn giải, quản lý và giám sát Di sản Thế giới, với sự hợp tác và trách nhiệm chung làm nền tảng cho quá trình này.

14. Từ kinh nghiệm khu vực đến thực tiễn Di sản Thế giới

Các phát hiện của Đối thoại có ý nghĩa đối với việc xác định di sản, danh mục kiểm kê quốc gia, Danh sách đề cử dự kiến, Đánh giá Sơ bộ, hồ sơ đề cử, thẩm định, quản lý, diễn giải và trình bày, giám sát, đào tạo, cũng như khuôn khổ pháp luật và chính sách quốc gia. Cần xem xét các trường hợp được chọn từ châu Á-Thái Bình Dương cùng các trường hợp từ châu Phi và các khu vực khác để xây dựng hướng dẫn thực tiễn về đánh giá cách thuộc tính truyền tải Giá trị Nổi bật Toàn cầu một cách đáng tin cậy, cách chứng minh các điều kiện về tính xác thực và tính toàn vẹn, và cách bảo vệ và quản lý duy trì các điều kiện này theo thời gian. Áp dụng hướng dẫn này từ giai đoạn xác định có thể giúp phát hiện di sản bị bỏ sót trong danh mục kiểm kê và Danh sách đề cử dự kiến hiện có, và dần dần đóng góp vào một Danh sách Di sản Thế giới đại diện hơn, cân bằng hơn và đáng tin cậy hơn.

Các phát hiện cụ thể

14.1 Thực hành tích hợp và phù hợp bối cảnh

Quản lý Di sản Thế giới cần giải quyết các điều kiện môi trường, xã hội, kinh tế và thể chế có liên kết với nhau ảnh hưởng đến Giá trị Nổi bật Toàn cầu và các thuộc tính liên quan. Kinh nghiệm khu vực có thể cung cấp thông tin cho thực hành rộng hơn, nhưng các phương pháp tiếp cận cần được điều chỉnh phù hợp với bối cảnh văn hóa, môi trường và quản trị cụ thể.

14.2 Đánh giá dựa trên bằng chứng và có thể tái thẩm định

Các đánh giá cần liên kết rõ ràng Giá trị Nổi bật Toàn cầu và các thuộc tính liên quan với bằng chứng phù hợp. Các phán đoán về tính xác thực cần mở ra cho việc xem xét lại khi tri thức và điều kiện thay đổi.

14.3 Từ nguyên tắc đến thực thi bền vững

Bảo vệ hiệu quả đòi hỏi các cơ chế khả thi cho quản trị, năng lực, tài chính, đối tác và giám sát. Du lịch và các hoạt động phát triển khác cần hỗ trợ bảo tồn và sinh kế bền vững, với tác động sinh thái, văn hóa và xã hội của chúng được giám sát theo thời gian.

Ghi nhận tính phù hợp toàn cầu của tính xác thực và nhu cầu đánh giá di sản trong bối cảnh văn hóa cụ thể ở châu Á-Thái Bình Dương, chúng tôi đưa ra các khuyến nghị sau:

15. Chúng tôi kêu gọi các Quốc gia thành viên Công ước Di sản Thế giới:

15.1 Thí điểm quy trình xác định bao trùm, do cộng đồng dẫn dắt trước khi lựa chọn Danh sách đề cử dự kiến, bao gồm cả di sản mà các danh mục kiểm kê hiện có có thể bỏ sót; xác định, lập bản đồ và ghi chép các giá trị đề xuất, thuộc tính, bằng chứng, người giữ gìn, quan điểm khác nhau và bất kỳ hạn chế nào trong tiếp cận tri thức.

15.2 Ghi nhận quản trị theo tập tục, tạo điều kiện cho đối thoại liên tục và ra quyết định hợp tác, đồng thời thiết lập các cơ chế phù hợp giúp sự tham gia có ý nghĩa, trách nhiệm chung và ảnh hưởng đến các quyết định về di sản.

15.3 Tăng cường các cơ chế phòng ngừa ứng phó thiên tai và rủi ro cho di sản, thông qua ghi chép, đánh giá rủi ro và thỏa thuận trước về phương pháp tiếp cận, đồng thời bảo vệ các hệ thống tạo điều kiện cho tu bổ.

16. Chúng tôi kêu gọi Ủy ban Di sản Thế giới:

16.1 Khởi xướng rà soát cách đề cập tính xác thực trong Hướng dẫn Thực hiện Công ước, dựa trên Văn kiện Nairobi và Văn kiện Hà Nội cùng các trường hợp so sánh từ các khu vực khác nhau, và xem xét làm rõ hạn chế nội dung hay cần hướng dẫn thực tiễn bổ sung.

16.2 Khuyến khích sự phối hợp giữa Công ước Di sản Thế giới và Công ước năm 2003 về Bảo vệ Di sản Văn hóa Phi vật thể bằng cách xem xét thích đáng các thực hành di sản sống, tri thức, kỹ năng, cũng như ý nghĩa và chức năng văn hóa, để tính liên tục của thực hành và truyền thụ di sản sống của cộng đồng được ghi nhận bên cạnh các thuộc tính vật chất.

17. Chúng tôi kêu gọi các Cơ quan tư vấn ICCROM, ICOMOS và IUCN:

17.1 Đóng góp vào việc phân tích các quy định về tính xác thực trong Hướng dẫn Thực hiện Công ước, có tính đến Văn kiện Nairobi và Văn kiện Hà Nội, với sự tham vấn của các Quốc gia Thành viên, Trung tâm Di sản Thế giới và những người nắm giữ tri thức liên quan.

17.2 Làm rõ các khái niệm mạng lưới và liên kết, cùng hệ sinh thái di sản, và trên cơ sở đó, xây dựng và thử nghiệm, với các Quốc gia Thành viên và người nắm giữ tri thức, một công cụ đánh giá thực tiễn dựa trên các trường hợp được chọn.

17.3 Xây dựng hướng dẫn và phương pháp luận phối hợp với cộng đồng nhằm xác định, lập bản đồ và ghi chép các thuộc tính phi vật thể cùng mối quan hệ của chúng, và đánh giá tri thức do cộng đồng nắm giữ, truyền khẩu, theo phong tục và dựa trên thực hành bên cạnh bằng chứng vật chất, tài liệu và khoa học.

18. Chúng tôi kêu gọi Trung tâm Di sản Thế giới:

18.1 Hỗ trợ các Cơ quan Tư vấn cập nhật báo cáo năm 2004, Danh sách Di sản Thế giới: Lấp đầy Khoảng trống – Kế hoạch Hành động cho Tương lai, theo yêu cầu của Ủy ban Di sản Thế giới.

18.2 Chuẩn bị, phối hợp với các Cơ quan Tư vấn, các Quốc gia Thành viên và những người nắm giữ tri thức liên quan, phân tích những khoảng trống/kẽ hở trong các quy định hiện hành của Hướng dẫn Thực hiện Công ước về tính xác thực, cùng với các phát hiện của Văn kiện Nairobi và Văn kiện Hà Nội và bất kỳ tài liệu liên quan nào khác.

18.3 Hỗ trợ nâng cao năng lực, truyền thụ tri thức liên thế hệ, cùng trao đổi và tập hợp kinh nghiệm tích lũy về di sản sống, thẩm định và quản lý, như được nêu trong Văn kiện này, dựa trên chuyên môn khu vực và chuyên đề, bao gồm cả của các Trung tâm Dạng 2.

Hà Nội, Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
30 tháng 9 năm 2026

LỜI CẢM ƠN

Các đại biểu tham dự bày tỏ lời cảm ơn đặc biệt đến Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Giáo sư Tô Lâm.

Các đại biểu tham dự xin bày tỏ sự trân trọng sâu sắc đến Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, Trung tâm Di sản Thế giới, Văn phòng UNESCO tại Hà Nội, ICOMOS, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân Tỉnh Ninh Bình, Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long-Hà Nội, các Quốc gia Thành viên và các Trung tâm Dạng 2 tại châu Á-Thái Bình Dương, vì những đóng góp cho Đối thoại. Các đại biểu gửi lời cảm ơn đến các đại diện cộng đồng, người nắm giữ tri thức, chuyên gia, thanh niên và học giả đã đóng góp kinh nghiệm và quan điểm, thông tin cho các cuộc thảo luận.